

CHƯƠNG II HỆ SINH THÁI

Bài 47 QUẦN THỂ SINH VẬT

I. Thế nào là một quần thể sinh vật?

- Quần thể sinh vật là tập hợp các cá thể cùng loài, sinh sống trong 1 khoảng không gian nhất định, ở 1 thời điểm nhất định, có khả năng sinh sản tạo thế hệ mới.

II. Những đặc trưng cơ bản của quần thể

1. Tỷ lệ giới tính

2. Thành phần nhóm tuổi

3. Mật độ quần thể

III. Ảnh hưởng của môi trường tới quần thể sinh vật

- Khi điều kiện môi trường thuận lợi, mật độ quần thể tăng cao => Thiếu thức ăn, chỗ ở, bệnh tật, => Mật độ điều chỉnh về mức cân bằng

Bài 48 QUẦN THỂ NGƯỜI

I. Sự khác nhau giữa quần thể người với các quần thể sinh vật khác

- Quần thể người có các đặc trưng riêng biệt: hôn nhân, pháp luật, kinh tế, giáo dục, văn hóa, ...
- Nhờ có lao động và tư duy trừu tượng, con người có khả năng điều chỉnh các đặc điểm sinh thái trong quần thể, cải tạo thiên nhiên

II. Đặc trưng về thành phần nhóm tuổi của mỗi quần thể người

HS tự đọc SGK

III. Tăng dân số và phát triển xã hội

- Tăng dân số tự nhiên = số người sinh ra - số người tử vong
- Sự gia tăng dân số = tăng dân số tự nhiên + nhập cư - di cư
- Hậu quả của gia tăng dân số nhanh:
 - Thiếu nơi ở, nguồn thức ăn, nước uống
 - Ô nhiễm môi trường
 - Tàn phá rừng và các tài nguyên thiên nhiên khác...
- Để có sự phát triển bền vững, mỗi quốc gia cần kiểm soát sự gia tăng dân số quá nhanh.

Bài 49 QUẦN XÃ SINH VẬT

I. Thế nào là một quần xã sinh vật?

- Quần xã sinh vật là 1 tập hợp **những quần thể sinh vật** thuộc nhiều loài khác nhau, cùng sống trong 1 không gian nhất định.
- Các quần thể có mối quan hệ chặt chẽ giúp ổn định cấu trúc của quần xã.

Ví dụ:

- **Rừng dừa** là một quần xã, gồm có các quần thể: dừa, chuối, cỏ, bọ dừa, giun đất, vi sinh vật...
- Dừa che mát, chắn bớt gió cho chuối.
- Chuối che mát và giữ ẩm gốc cho dừa.
- Giun làm xới đất cho dừa, chuối, cỏ.
- Cỏ giữ ẩm gốc cho dừa, chuối, đồng thời cạnh tranh chất dinh dưỡng trong đất với dừa, chuối.
- Dừa, chuối, cỏ giữ cho đất ẩm, có nhiệt độ thích hợp cho hệ vi sinh vật phát triển.
- Vi sinh vật biến đổi xác thực vật, động vật thành chất mùn cho dừa, chuối.

II. Những dấu hiệu điển hình của một quần xã sinh vật

Hs tham khảo bảng 49 SGK

III. Quan hệ giữa ngoại cảnh và quần xã

- Các nhân tố sinh thái luôn ảnh hưởng, tạo nên sự thay đổi của quần xã
- Số lượng cá thể của mỗi quần thể trong quần xã luôn được khống chế ở mức độ phù hợp với khả năng của môi trường, tạo nên sự cân bằng sinh học trong quần xã => gọi là hiện tượng **khống chế sinh học**

Bài 50 HỆ SINH THÁI

I. Thế nào là một hệ sinh thái?

- Hệ sinh thái bao gồm quần xã sinh vật và khu vực sống của quần xã (sinh cảnh)
- Hệ sinh thái hoàn chỉnh gồm các thành phần:
 - Các thành phần vô sinh
 - Các thành phần hữu sinh
 - Sinh vật sản xuất
 - Sinh vật tiêu thụ
 - Sinh vật phân giải

Ví dụ hệ sinh thái nước đứng ở một ao, gồm có các thành phần chính

- **Sinh vật sản xuất:** rong, bèo, cây thủy sinh, tảo hiển vi.
- **Sinh vật tiêu thụ cấp 1:** cá nhỏ ăn rong, bèo. tôm, động vật nổi, tép, cua
- **Sinh vật tiêu thụ cấp 2:** cá to, vựa.
- **Sinh vật tiêu thụ cấp 3:** cá lớn.
- **Sinh vật phân giải:** vi sinh vật.

II. Chuỗi thức ăn và lưới thức ăn

1. Thế nào là một chuỗi thức ăn?

- Chuỗi thức ăn là một dãy **các sinh vật có quan hệ dinh dưỡng** với nhau.

- Trong chuỗi thức ăn, mỗi loài vừa là sinh vật tiêu thụ mắt xích đứng trước, vừa là sinh vật bị mắt xích đứng sau tiêu thụ

Ví dụ:

- Cây cỏ → sâu → chim ăn sâu
- Lúa → gà → diều hâu.

2. Thế nào là một lưới thức ăn?

- Lưới thức ăn bao gồm **nhiều chuỗi thức ăn có nhiều mắt xích chung.**
- Lưới thức ăn hoàn chỉnh bao gồm 3 thành phần chủ yếu:
 - Sinh vật sản xuất
 - Sinh vật tiêu thụ
 - Sinh vật phân giải

Ví dụ:

